TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N

Bản án số: 99/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 6 - 2019
V/v chị H xin ly hôn anh Văn A

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng
2. Ông Đàm Văn Kiều

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019. Về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H - Sinh năm 1984
Địa chỉ: Thôn Trang Túc, xã N, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Anh Khương Văn A - Sinh năm 1977
Địa chỉ: Thôn Trang Túc, xã N, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa vắng mặt chị H, vắng mặt anh Văn A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 08/4/2019 cũng như lời khai của chị Trịnh Thị H trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Khương Văn A vào tháng 5/2002 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện

N, tỉnh N. Sau khi kết hôn chị và anh Văn A chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2007 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên luôn bất đồng quan điểm sống, anh Văn A không chịu lao động và không quan tâm đến gia đình. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Văn A không được cải thiện. Từ tháng 02/2018 đến nay chị và anh Văn A đã sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Văn A không còn nên chị xin được ly hôn anh Khương Văn A. Về con chung giữa chị và anh Khương Văn A có hai con chung là Khương Việt Đức sinh ngày 08/7/2003 và Khương Thị Ngọc Quỳnh sinh ngày 19/01/2005, hiện đang do chị nuôi dưỡng. Nay chị xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh Văn A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung giữa chị và anh Khương Văn A thì chị không yêu cầu giải quyết. Về án phí chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên anh Khương Văn A vắng mặt nhưng có lời khai của anh Văn A trong quá trình giải quyết trình bày đúng như lời khai của chị Trịnh Thị H về quá trình kết hôn và sống chung giữa anh và chị H. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2007, nguyên nhân là do chị H sống không chung thủy với anh trong quan hệ vợ chồng và không quan tâm đến gia đình. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng chị H không thay đổi nên quan hệ tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Từ năm 2018 đến nay anh và chị H sống ly thân nhau. Nay chị H xin ly hôn anh thì anh không nhất trí, anh mong chị H suy nghĩ lại về đoàn tụ gia đình để tiếp tục nuôi dạy con cái trưởng thành, còn chị H quyết tâm xin ly hôn anh thì tùy chị H. Về con chung giữa anh và chị Trịnh Thị H có hai con chung là KH Việt Đức sinh ngày 08/7/2003 và Khương Thị Ngọc Quỳnh sinh ngày 19/01/2005, hiện đang do chị H nuôi dưỡng. Nay anh đề nghị giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của các con muốn ở với ai thì tùy các con. Nếu các con ở hết với chị H thì anh cũng nhất trí và anh không cấp dưỡng hai nuôi con chung cùng chị H. Về tài sản chung giữa anh và chị Trịnh Thị H thì anh không yêu cầu giải quyết. Do điều kiện công việc bận anh không tham gia phiên tòa được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng: qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử vụ án tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Xử ly hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Khương Văn A. Về con chung: Giao cháu Khương Việt Đức sinh ngày 08/7/2003 và cháu Khương Thị Ngọc Quỳnh sinh ngày 19/01/2005 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Khương Văn A không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị H. Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trịnh Thị H phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trịnh Thị H và anh Khương Văn A đều cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh N. Nay chị Trịnh Thị H xin ly hôn anh Khương Văn A và Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa anh Khương Văn A vắng mặt nhưng anh Văn A có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án nhân dân huyện N xét xử vắng mặt anh Văn A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trịnh Thị H và anh Khương Văn A được tổ chức kết hôn vào tháng 5/2002 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị H và anh Văn A chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2007 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau và anh Văn A nghi ngờ chị H sống không chung thủy. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Văn A không được cải thiện. Từ tháng 02/2018 đến nay chị H và anh Văn A sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Văn A đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị H xin được ly hôn anh Khương Văn A nên chấp nhận là phù hợp. Xét việc anh Khương Văn A xin đoàn tụ với lý do vì các con chung thấy không có cơ sở nên yêu cầu của anh Khương Văn A không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trịnh Thị H và anh Khương Văn A có hai con chung là cháu Khương Việt Đức sinh ngày 08/7/2003 và cháu Khương Thị Ngọc Quỳnh sinh ngày 19/01/2005, hiện đang do chị H nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của chị H xin được trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu anh Khương Văn A phải

cấp dưỡng nuôi con cùng chị và các cháu cũng có nguyện vọng được ở với chị H thấy phù hợp với đề nghị của anh Khương Văn A nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị H và anh Khương Văn A không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trịnh Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử ly hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Khương Văn A.

2- Về con chung: Giao cháu Khương Việt Đức sinh ngày 08/7/2003 và cháu Khương Thị Ngọc Quỳnh sinh ngày 19/01/2005 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu Khương Việt Đức và cháu Khương Thị Ngọc Quỳnh đang do chị Trịnh Thị H quản lý nuôi dưỡng). Anh Khương Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trịnh Thị H đối với cháu Khương Việt Đức và cháu Khương Thị Ngọc Quỳnh. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trịnh Thị H phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Trịnh Thị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/0000687 ngày 14/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Trịnh Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị H, vắng mặt anh Khương Văn A. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND H N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Văn Rạng **Đàm Văn Kiều** **Trần Xuân Dũng**